

Name: .....

Class: S2...

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

Grammar: .....

Listening: .....

Mini Test: .....



## CHRISTMAS VOCABULARY & MAKING CHRISTMAS CARDS

### A. VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>bell</b> (n)	cái chuông	6	<b>gingerbread</b> (n)	bánh gừng
2	<b>candy cane</b> (n phr.)	kẹo gậy (kẹo hình gậy màu đỏ trắng)	7	<b>chimney</b> (n)	ống khói
3	<b>elf</b> (n)	yêu tinh	8	<b>sleigh</b> (n)	xe trượt tuyết
4	<b>reindeer</b> (n)	con tuần lộc	9	<b>Christmas tree</b> (n phr.)	cây thông Noel
5	<b>snowman</b> (n)	người tuyết	10	<b>merry</b> (adj)	vui vẻ, hân hoan

### B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	<b>classmate</b> (n)	bạn cùng lớp	5	<b>bring</b> (v) → <b>brought</b> (v <sub>2</sub> )	mang, đem
2	<b>exciting</b> (adj)	thú vị, hào hứng	6	<b>write</b> (v) → <b>wrote</b> (v <sub>2</sub> )	viết
3	<b>pair</b> (n)	cặp, đôi	7	<b>eat</b> (v) → <b>ate</b> (v <sub>2</sub> )	ăn
4	<b>surprised</b> (adj)	ngạc nhiên	8	<b>lesson</b> (n)	bài học

\*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; n phr. = noun phrase: cụm danh từ;

adj = adjective: tính từ; v<sub>2</sub> = động từ ở dạng quá khứ đơn




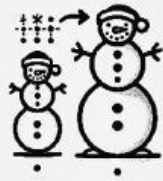


\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG** vào vở ghi

### C. HOMEWORK

I. Fill in the blanks with WAS or WERE. (Điền WAS hoặc WERE vào chỗ trống.)

0. She was very tired last night.
1. I \_\_\_\_\_ at the park yesterday.
2. They \_\_\_\_\_ happy to see their friends last week.
3. He \_\_\_\_\_ at home this morning.
4. We \_\_\_\_\_ in London in 2019.
5. You \_\_\_\_\_ in the classroom 10 minutes ago.

## II. Circle the correct answer. (Khoanh tròn vào đáp án đúng.)

0 	a. It's the sky. <b>b. It's the moon.</b>	3 	a. This is an elf. b. This is a bell.
1 	a. This is a candy cane. b. This is a gingerbread.	4 	a. The snowman is tall. b. The gingerbread is tall.
2 	a. This is a chimney. b. This is a sleigh.	5 	a. This is a Christmas tree. b. This is a reindeer.

## III. Choose the correct word to complete the sentence. (Chọn từ chính xác để hoàn thành câu.)

0. She is kind **(and)** / but) funny.
1. Do you want pizza **(or / but)** burgers for lunch?
2. He loves running **(but / and)** he doesn't like swimming.
3. Would you like orange juice **(but / or)** lemonade?
4. I like cats **(but / or)** I don't like birds.
5. We can play a game **(and / but)** read a book after.

## IV. Rearrange the sentences. (Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự.)

0. school / She / to / goes / every day.

→ She goes to school every day.

1. play / in / They / the park.

→ \_\_\_\_\_

2. on / is / book / My / the table.

→ \_\_\_\_\_

3. opposite / My school / is / the gift shop.

→ \_\_\_\_\_

4. the bank. / next to / The library / is

→ \_\_\_\_\_

## PRE-LISTENING & LISTENING

Con hãy làm các bài nghe dưới đây theo link sau:

[https://drive.google.com/file/d/12eB3iAs65G\\_F0uqYiMe3mKAkV6iksYhU/view?usp=sharing](https://drive.google.com/file/d/12eB3iAs65G_F0uqYiMe3mKAkV6iksYhU/view?usp=sharing)

**Listen to the audio and fill in the blanks with the correct things from the conversation.**

(Nghe và điền vào chỗ trống với sự vật chính xác từ cuộc trò chuyện.)

<del>dog</del>	old phone	DVD
chocolate	guitar	glasses

0. Alex of course brought his dog!
1. No, she brought a very old pair of \_\_\_\_\_.
2. Then she told Sally she could bring the \_\_\_\_\_ and she did!
3. No, but Fred, the eldest in the class brought his \_\_\_\_\_ and played to us.
4. She brought some \_\_\_\_\_.
5. Dad told me to take his \_\_\_\_\_ to school because it's much smaller.

## Listening

### Part 3 - 5 questions -

Jill is telling her mum about a 'Show and Tell' lesson she had at school today and things her classmates brought to class. What did each child bring to class? Listen and write a letter in each box. There is one example.



Alex



A



B



Vicky



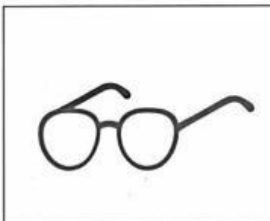
C



D



Fred



E



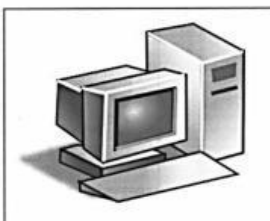
F



Jill



Anna



G



H



Sally



G



H